

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước
cảng biển Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 70/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2026 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch; số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 140/QĐ-TTg ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 307/QĐ-BXD ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, khu nước, vùng nước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 860/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị của Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam tại tờ trình số 3516/TTr-CHHĐTVN ngày 02 tháng 6 năm 2026 trình phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt sửa đổi, một số nội dung trong Quyết định số 860/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất mục II Điều 1 như sau: *“Tổng nhu cầu sử dụng đất theo quy hoạch đến năm 2030 khoảng 1.742,63 ha (chưa bao gồm các khu vực phát triển các khu công nghiệp, logistics... gắn liền với cảng)”*.

2. Sửa đổi một số nội dung về diện tích vùng đất (ha) trong *“Danh mục quy hoạch chi tiết cảng biển Quảng Ninh đến năm 2030”* tại Phụ lục 3 kèm theo Quyết định số 860/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: chi tiết tại Phụ lục 3 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các nội dung khác tại Quyết định số 860/QĐ-BXD ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Quảng Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và tại các Phụ lục kèm theo được giữ nguyên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; các Vụ trưởng; Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Công an, Quốc phòng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND tỉnh Quảng Ninh;
- Các Cục, Vụ thuộc Bộ Xây dựng;
- Công TTĐT Bộ Xây dựng;
- Lưu VT, KHTC (Thành).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

**PHỤ LỤC 03: SỬA ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ “DANH MỤC QUY HOẠCH CHI TIẾT
CẢNG BIỂN QUẢNG NINH ĐẾN NĂM 2030”**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số /QĐ-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ Xây dựng)

TT	Tên cảng, bến cảng, cầu cảng	Hiện trạng		Công năng, phân loại	Quy hoạch đến năm 2030 (đã bao gồm các bến cảng hiện trạng)					Ghi chú
		Số lượng cầu cảng/chiều dài (m)	Cỡ tàu (tấn)		Số lượng cầu cảng/chiều dài	Cỡ tàu (tấn)	Công suất (Tr.Tấn)	Diện tích vùng đất (ha)	Diện tích vùng nước (ha)	
					KB thấp ÷ KB cao					
CẢNG BIỂN QUẢNG NINH										
-	Bến cảng, cầu cảng chính	29/5.591,2			54/12.284,9÷60/13.614,9		165,9÷191,8	1.742,63	6.819,3	
-	Bến cảng, cầu cảng khác	5/1.371			14/2.769÷15/3.307					
I	KHU BẾN CÁI LÂN									
-	Bến cảng, cầu cảng chính	21/4.196			22/4.531,7÷22/4.531,7		31,5÷34,5	455,73	38,3	
+	Bến cảng container, tổng hợp, hàng rời	15/2.581,5	Container 4.000 TEU; Tổng hợp, rời 50.000 hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện		16/2.917,2÷16/2.917,2	Container 4.000 TEU; Tổng hợp, rời 50.000 hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	26,2÷29,3	274,73	23,1	
.....										
1	Bến cảng tổng hợp Cái Lân (cầu tạm, số 1,2,3,4,5,6,7)	8/1.490	Container 3.000 TEU; Tổng hợp, rời 85.000 giảm tải	Cont, TH	8/1.535÷8/1.535	Container 4.000 TEU; Tổng hợp, rời 50.000 hoặc lớn hơn khi đủ điều kiện	16,6÷19,7	62,13	15,0	Kết hợp khai thác hàng lỏng thông thường

Ghi chú:

- Phạm vi vùng đất, vùng nước được xác định theo quy hoạch tỉnh Quảng Ninh, chi tiết vị trí, tọa độ diện tích của từng cầu cảng, bến cảng sẽ xác định cụ thể trong bước nghiên cứu dự án.

- Ký hiệu:

+ TH: tổng hợp, rời;

+ Cont.: container.